



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director))

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng CN - KCS
Laboratory:	CN-KCS Section
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Công ty Cổ phần tập đoàn Hương Sen
Organization:	Huong Sen Group JSC
Số hiệu/ Code:	VILAS 1294
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Hóa, Sinh
Field:	Chemical, Biological
Người quản lý:	Đào Anh Hoàng
Laboratory manager:	Dao Anh Hoang
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	từ ngày / 07 /2026 đến ngày / 07 /2031
Địa chỉ:	Số 18, Phố Trần Thái Tông, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Address:	18 Tran Thai Tong Street, Thai Binh Ward, Hung Yen Province, Vietnam
Địa điểm:	Số 18, Phố Trần Thái Tông, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Location:	18 Tran Thai Tong Street, Thai Binh Ward, Hung Yen Province, Vietnam
Điện thoại/ Tel:	022 7383 1010 - 667
Email:	kcsdabeco@gmail.com
Website:	www.huongsen.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1294

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Bia lon, bia chai <i>Canned beer, bottled beer</i>	Xác định chỉ số I-ốt. <i>Determination of Iodine value.</i>	(0,05 ~ 0,6)	MEBAK 2.3, 2013
2.		Xác định độ đắng. <i>Determination of Bitterness.</i>	(10 ~ 45) BU	Analytica - EBC Method 9.8; 2004
3.		Xác định độ cồn. <i>Determination of Alcohol.</i>	Đến/ to : 12,0 % (v/v)	Analytica - EBC Method 9.2.6; 2008
4.		Xác định hàm lượng carbon dioxide <i>Determination of Carbon dioxide content</i>	(3 ~ 6) g/L	HD.9001.06.KCS.04. 01
5.		Xác định hàm lượng diacetyl và các chất diketon <i>Determination of diacetyl and other diketones content.</i>	(0,03 ~ 0,20) mg/L	Analytica- EBC Method 9.24.1;2000
6.		Xác định độ bền bọt sử dụng thiết bị NIBEM-T. <i>Determination of Foam Stability using the NIBEM- T meter.</i>	(100 ~ 350) s	Analytica - EBC EBC 9.42; 2004
7.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định pH. <i>Determination of pH value.</i>	2 ~ 12	TCVN 6492 : 2011 (ISO 10523 : 2008)
8.		Xác định độ đục. <i>Determination of turbidity.</i>	0.1 NTU	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027 : 2016)
9.		Xác định độ kiềm tổng số và độ kiềm composit. <i>Determination of total and composite alkalinity.</i>	0.4 mmol/L	TCVN 6636-1 : 2000 (ISO 9963-1 : 1994)
10.		Xác định tổng canxi và magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA. <i>Determination of the sum calcium and magnesium EDTA titrimetric method.</i>	5 mg/L (CaCO ₃)	TCVN 6224 : 1996 (ISO 6059 :1984)
11.		Xác định hàm lượng Clorua Chuẩn độ bạc nitrate với chỉ thị màu cromat (phương pháp MO). <i>Determination of chloride content Silver nitrate titration with chromate indicator (Mohr's method).</i>	5 mg/ L	TCVN 6194 : 1996 (ISO 9297 : 1989)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1294****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Bia <i>Beer</i>	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C. <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C</i>		TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1 : 2013)
2.		Định lượng nấm men và nấm mốc. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0.95. <i>Enumeration of yeast and moulds. Colony count technique in products with water activity greater than 0.95.</i>		TCVN 8275-1 : 2010 (ISO 21527-1 : 2008)
3.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Định lượng <i>Escherichia coli</i> và vi khuẩn Coliform Phương pháp màng lọc. <i>Enumeration of Escherichia coli and Coliform bacteria. Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1 : 2019 (ISO 9308 -1 : 2014)

Ghi chú/ Note:

- TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam Standard*
- HD.9001.06.KCS.04.01: phương pháp phát triển bởi PTN/*laboratory developed method*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/*International Organization for Standardization*
- MEBAK: Ủy ban Phân tích Công nghệ Bia Trung Âu/*Mitteleuropäische Brautechnische Analysenkommission e. V. (Central European Commission for Brewing Analysis)*
- EBC: Phương pháp ban hành bởi Hiệp hội các nhà máy bia Châu Âu/*European Brewery Convention Analytica – Issued by the EBC Analysis committee*

Trường hợp Công ty Cổ phần tập đoàn Hương Sen cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty Cổ phần tập đoàn Hương Sen phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hương Sen Group JSC that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

